

Số: **4129/QĐ-NHCS**

Hà Nội, ngày **31** tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế các thủ tục giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Điều lệ về việc tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội được ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Ngân hàng Chính sách xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế các thủ tục giải quyết công việc cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH như sau:

a) Công bố bổ sung 04 thủ tục giải quyết công việc cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền của NHCSXH (*danh mục các thủ tục được công bố kèm theo Quyết định này tại phụ lục I và nội dung chi tiết của từng thủ tục được công bố kèm theo Quyết định này tại phụ lục II*).

b) Công bố thay thế 02 thủ tục giải quyết công việc cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH được công bố tại Quyết định số 2266/QĐ-NHCS ngày 14/8/2009 và đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 879/QĐ-NHCS ngày 19/4/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH (*danh mục thủ tục được thay thế kèm theo Quyết định này tại phụ lục I và nội dung chi tiết của thủ tục thay thế kèm theo Quyết định này tại phụ lục II*).

c) Công bố sửa đổi 03 thủ tục giải quyết công việc cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH đã được công bố tại Quyết định 2266/QĐ-NHCS, ngày 14/8/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH (*danh mục các thủ tục được sửa đổi bổ sung kèm theo Quyết định này tại phụ lục I và nội dung chi tiết của từng thủ tục được sửa đổi, bổ sung kèm theo Quyết định này tại phụ lục II*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các đơn vị trong hệ thống NHCSXH tổ chức thực hiện nghiêm yết công khai các thủ tục giải quyết công việc được công bố theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc các Ban chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở chính; Giám đốc: Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin, Sở giao dịch và chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.)

Nơi nhận:

- Tổng giám đốc (để b/c);
- Trưởng Ban Kiểm soát NHCSXH;
- Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- Website NHCSXH;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, Tổ PC-VP.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Hải

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC THỦ TỤC ĐƯỢC CÔNG BỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4129/QĐ-NHCS ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)

A. DANH MỤC CÁC THỦ TỤC ĐƯỢC CÔNG BỐ BỔ SUNG

SỐ TT	TÊN THỦ TỤC	LĨNH VỰC	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Thủ tục ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc (Chương trình EPS)	Hoạt động tín dụng	Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, thành phố; Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện	
2	Thủ tục cho vay để ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc (Chương trình EPS)	Hoạt động tín dụng	Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, thành phố; Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện	
3	Thủ tục phê duyệt cho vay hỗ trợ để chi phí đi học nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015	Hoạt động tín dụng	Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, thành phố; Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	Các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long, gồm: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và thành phố Cần Thơ.
4	Thủ tục phê duyệt cho vay hỗ trợ để chi phí đi xuất khẩu lao động cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015	Hoạt động tín dụng	Như trên	Như trên

B. DANH MỤC CÁC THỦ TỤC ĐƯỢC THAY THẾ

SỐ TT	TÊN THỦ TỤC	LĨNH VỰC	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	GHI CHÚ
5	Thủ tục phê duyệt cho vay hỗ trợ để phát triển sản xuất, kinh doanh và hỗ trợ để chuộc lại đất sản xuất đã chuyển nhượng, thế chấp cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015	Hoạt động tín dụng	Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, thành phố; Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	Thay thế TTGQCV số TT 06 – Danh mục thủ tục kèm theo Quyết định số 2266/QĐ-NHCS ngày 14/8/2009 và đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 879/QĐ-NHCS ngày 19/4/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH
6	Thủ tục cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015	Hoạt động tín dụng	Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, thành phố; Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện	Thay thế TTGQCV số TT 04 – Danh mục thủ tục kèm theo Quyết định số 2266/QĐ-NHCS ngày 14/8/2009 và đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 879/QĐ-NHCS ngày 19/4/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH

C. DANH MỤC CÁC THỦ TỤC ĐƯỢC SỬA ĐỔI

SỐ TT	TÊN THỦ TỤC	LĨNH VỰC	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	GHI CHÚ
7	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với Hộ gia đình thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh quản lý.	Hoạt động tín dụng	Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, thành phố; Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện	Sửa đổi TTGQCV số thứ tự 16- Danh mục thủ tục kèm theo Quyết định số 2266/QĐ-NHCS ngày 14/8/2009 của Tổng giám đốc NHCSXH
8	Thủ tục thẩm định, phê duyệt	Hoạt động	Chi nhánh	Sửa đổi TTGQCV số

	cho vay giải quyết việc làm đối với Hộ gia đình thuộc nguồn nguồn vốn do các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên) quản lý.	tín dụng	NHCSXH cấp tỉnh, thành phố; Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện	thứ tự 17- Danh mục thủ tục kèm theo Quyết định số 2266/QĐ-NHCS ngày 14/8/2009 của Tổng giám đốc NHCSXH
9	Thủ tục phê duyệt cho vay nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long đối với Hộ gia đình vay vốn để tự xây dựng nhà ở	Hoạt động tín dụng	Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, thành phố; Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện.	Sửa đổi TTGQCV số thứ tự 31- Danh mục thủ tục kèm theo Quyết định số 2266/QĐ-NHCS ngày 14/8/2009 của Tổng giám đốc NHCSXH

PHỤ LỤC II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC
GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC ĐƯỢC CÔNG BỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4129/QĐ-NHCS ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)

1. Thủ tục ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc (sau đây gọi tắt là Chương trình EPS)

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

Người lao động có nhu cầu ký quỹ viết Giấy đề nghị ký quỹ theo mẫu số 01/KQ do NHCSXH cung cấp.

- Bước 2:

Người ký quỹ xuất trình Giấy chứng minh nhân dân và Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS do người ký quỹ ký với Trung tâm Lao động ngoài nước thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để cùng NHCSXH ký Hợp đồng ký quỹ theo mẫu số 02/HĐ-KQ.

- Bước 3:

NHCSXH làm thủ tục mở tài khoản tiền gửi ký quỹ cho người ký quỹ theo quy định hiện hành để theo dõi tiền ký quỹ.

- Bước 4:

Người ký quỹ nộp tiền (tiền mặt, chuyển khoản) vào tài khoản tiền gửi ký quỹ.

- Bước 5:

Cán bộ kế toán quản lý tài khoản ký quỹ căn cứ số dư tiền gửi trên tài khoản ký quỹ để lập **01 (một)** bản Giấy xác nhận ký quỹ theo mẫu số 03/XN-KQ, trình Trưởng kế toán ký kiểm soát và Giám đốc ký xác nhận.

Khi giao, nhận “Giấy xác nhận ký quỹ”, cán bộ NHCSXH và người ký quỹ phải ghi và ký giao, nhận vào phần cuối cùng của Hợp đồng ký quỹ.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Giấy đề nghị ký quỹ (mẫu số 01/KQ, lập 01 bản gốc NHCSXH giữ).

+ Hợp đồng ký quỹ (mẫu số 02/HĐ-KQ; lập 02 bản gốc, 01 bản người ký quỹ giữ, 01 bản NHCSXH giữ).

+ Giấy xác nhận ký quỹ (mẫu số 03/XN-KQ, lập 01 bản gốc người ký quỹ giữ).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

Thực hiện ngay khi người lao động hoàn thiện hồ sơ và nộp tiền ký quỹ.



đ. Đối tượng thực hiện thủ tục:

- Cá nhân.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH cấp huyện, cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: NHCSXH cấp huyện, cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Lao động ngoài nước thuộc Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.

g. Kết quả thực hiện thủ tục:

- Giấy xác nhận ký quỹ (mẫu số 03/XN-KQ).

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị ký quỹ (mẫu số 01/KQ).

- Hợp đồng ký quỹ (mẫu số 02/HĐ-KQ).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Người lao động cư trú hợp pháp trên địa bàn huyện, quận, thị xã.

- Người ký quỹ là người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc;

- Thông tư liên tịch số 31/2013/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12/11/2013 của Liên Bộ Lao động – Thương binh và xã hội – Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS;

- Văn bản số 3672/NHCS-TDNN ngày 20/11/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS;

- Văn bản số 3709/NHCS-TDNN ngày 26/11/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi văn bản số 3672/NHCS-TDNN ngày 20/11/2013.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ KÝ QUỸ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:..... Sinh ngày...../...../.....

Số CMND:.....Ngày cấp...../...../.....Nơi cấp:.....

Cư trú tại: Thôn..... xã.....
huyện..... tỉnh.....

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 31/2013/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12/11/2013 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc,

Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội.....
cho tôi ký quỹ số tiền: 100.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng*) tại Ngân hàng theo Hợp đồng đưa lao động đi làm việc tại Hàn Quốc số..... , ngày...../...../.....

Tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ

Số:/HĐ-KQ

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc hội khóa XII;

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội khóa XI;

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho người lao động nước ngoài của Hàn Quốc (sau đây gọi tắt là Chương trình EPS);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 31/2013/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12/11/2013 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho người lao động nước ngoài của Hàn Quốc;

Căn cứ văn bản số 3672/NHCS-TDNN ngày 20/11/2013 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Hướng dẫn nghiệp vụ ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho người lao động nước ngoài của Hàn Quốc,

Hôm nay, ngày...../...../.....tại Ngân hàng Chính sách xã hội.....

....., chúng tôi gồm:

- **BÊN NHẬN KÝ QUỸ** (sau đây gọi là bên A):

Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Người đại diện: Chức vụ:

Văn bản ủy quyền (nếu có), số..... ngày.../.../.....do ông (bà):.....chức vụ:..... ủy quyền.

- **BÊN KÝ QUỸ** (sau đây gọi là bên B):

Họ và tên người ký quỹ: Sinh ngày.../.../.....

CMND số: Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp.....

Cư trú tại: Thôn..... xã.....

..... huyện..... tỉnh.....

Hộ khẩu thường trú: Thôn..... xã.....

..... huyện..... tỉnh.....

Hai bên thỏa thuận và thống nhất về việc ký quỹ tại NHCSXH với các điều, khoản sau:

Điều 1. Mở tài khoản ký quỹ

Bên B mở tài khoản tiền gửi ký quỹ tại Bên A để gửi tiền ký quỹ đi làm việc tại Hàn quốc theo quy định tại Thông tư liên tịch số 31/2013/TTLT-BLĐTĐ-BTC ngày 12/11/2013 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc.

Điều 2. Thực hiện ký quỹ

1. Số tiền ký quỹ: 100.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng*)

2. Thời hạn ký quỹ: 5 năm 4 tháng, kể từ ngày nộp đủ số tiền ký quỹ vào tài khoản tiền gửi ký quỹ.

Điều 3. Lãi suất tiền gửi ký quỹ và cách thức trả lãi tiền gửi ký quỹ

1. Đối với bên B không vay tiền bên A để ký quỹ

a) Trường hợp 1: Thời gian đủ 5 năm 4 tháng

- Trong thời gian 5 năm, tiền gửi ký quỹ được áp dụng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của bên A đang áp dụng phù hợp từng thời kỳ theo quy định của Tổng Giám đốc NHCSXH. Định kỳ 12 tháng, bên A thực hiện trả lãi tiền gửi ký quỹ, nhập gốc và tự động chuyển sang kỳ gửi 12 tháng tiếp theo.

- Trong thời gian 4 tháng còn lại, tiền gửi ký quỹ được áp dụng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 4 tháng tại thời điểm chuyển sang kỳ hạn 4 tháng.

b) Trường hợp 2: Thời gian không đủ 5 năm 4 tháng

- Đối với thời gian gửi từ 12 tháng trở lên: Định kỳ 12 tháng, bên A thực hiện trả lãi tiền gửi ký quỹ, nhập gốc và tự động chuyển sang kỳ gửi 12 tháng tiếp theo. Phần thời gian còn lại dưới 12 tháng, tiền gửi ký quỹ được áp dụng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại thời điểm rút tiền. Cách tính, trả lãi được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

c) Trường hợp 3: Thời gian từ 6 năm trở lên

Định kỳ 12 tháng, bên A thực hiện trả lãi tiền gửi ký quỹ, nhập gốc và tự động chuyển sang kỳ gửi 12 tháng tiếp theo. Phần thời gian còn lại dưới 12 tháng, tiền gửi ký quỹ được áp dụng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại thời điểm rút tiền. Cách tính, trả lãi được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

d) Trường hợp 4: Thời gian từ trên 5 năm 4 tháng đến dưới 6 năm, tiền gửi ký quỹ được áp dụng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại thời điểm rút tiền đối với khoảng thời gian từ trên 5 năm 4 tháng đến dưới 6 năm.

- Đối với thời gian gửi dưới 12 tháng, tiền gửi ký quỹ được áp dụng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại thời điểm rút tiền.

2. Đối với bên B vay tiền bên A để ký quỹ

a) Lãi suất tiền gửi ký quỹ bằng lãi suất tiền vay để ký quỹ. Bên A thực hiện trả lãi tiền gửi ký quỹ theo định kỳ hàng tháng để tự động thu lãi tiền vay ký quỹ hàng tháng.

b) Trường hợp, người lao động trả nợ vay ký quỹ trước hạn thì hưởng mức lãi suất tiền gửi ký quỹ theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 3 này cho khoản tiền chênh lệch giữa số dư tiền ký quỹ và số dư nợ vay.

Điều 4. Hoàn trả tiền ký quỹ và tất toán tài khoản ký quỹ

1. Việc hoàn trả tiền gửi ký quỹ và tất toán tài khoản ký quỹ theo Hợp đồng này, bên A thực hiện theo thông báo của Trung tâm Lao động ngoài nước thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc của Cục Quản lý lao động ngoài nước. Mọi tranh chấp xung quanh việc hoàn trả tiền gửi ký quỹ và tất toán tài khoản ký quỹ do người lao động với Trung tâm Lao động ngoài nước thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hoặc Cục Quản lý lao động ngoài nước chịu trách nhiệm giải quyết.

2. Trường hợp bên B vay tiền bên A để ký quỹ, thì tiền ký quỹ được sử dụng để trả khoản nợ vay ký quỹ.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của bên A

a) Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b) Hướng dẫn thủ tục để bên B thực hiện việc ký quỹ, sử dụng tài khoản ký quỹ theo đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận tại Hợp đồng này.

c) Chịu mọi chi phí in ấn các ấn chỉ trong thủ tục ký quỹ và cung cấp đầy đủ cho bên B.

d) Trả lãi tiền gửi ký quỹ theo Điều 3 Hợp đồng này.

đ) Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Hợp đồng này.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b) Được hưởng lãi tiền ký quỹ theo quy định tại Hợp đồng này.

c) Chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với các chứng từ, văn bản xuất trình với bên A.

d) Chấp hành việc hoàn trả tiền ký quỹ và tất toán tài khoản ký quỹ theo thông báo của Trung tâm Lao động ngoài nước thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Cục Quản lý lao động ngoài nước.

đ) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy của định pháp luật.

Điều 6. Các thỏa thuận khác

1. Những nội dung khác không được hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng này thì được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho người lao động nước ngoài của Hàn Quốc, Thông tư liên tịch số 31/2013/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12/11/2013 về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình

cấp phép việc làm cho người lao động nước ngoài của Hàn Quốc và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, mọi sửa đổi, bổ sung các điều, khoản của hợp đồng phải được sự nhất trí của các bên và phải được lập thành các phụ lục Hợp đồng. Phụ lục hợp đồng và các tài liệu kèm theo (nếu có) là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng này, các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký tên, đóng dấu)

PHẦN THEO DÕI GIAO, NHẬN
Giấy xác nhận ký quỹ

- Bên giao: Ông (bà)..... - Cán bộ NHCSXH.
- Bên nhận: Ông (bà)..... - Người ký quỹ tại NHCSXH.
- Nội dung: Hai bên đã giao, nhận “Giấy xác nhận ký quỹ” số.....
lập ngày...../...../.....vào.....giờ.....ngày...../...../.....tại trụ sở NHCSXH.

BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ và tên)

BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

2. Thủ tục cho vay để ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc (sau đây gọi tắt là Chương trình EPS)

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

Người vay lập bộ hồ sơ đề nghị vay vốn gồm: Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/TD-KQ), kèm Hợp đồng đưa lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS được ký kết giữa người lao động với Trung tâm Lao động ngoài nước thuộc Bộ LĐ - TB&XH, đối với trường hợp người vay thuộc đối tượng người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp theo Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ có Quyết định thu hồi đất có thời hạn trong vòng 3 năm kể từ ngày Quyết định thu hồi đất có hiệu lực (bản sao có chứng thực của UBND cấp xã), trình Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã xác nhận về đối tượng trên Giấy đề nghị vay vốn theo quy định.

- Bước 2:

Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã, người vay trực tiếp nộp hồ sơ đề nghị vay vốn cho NHCSXH nơi cho vay.

- Bước 3:

Cán bộ tín dụng tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ đề nghị vay vốn, trình Trưởng phòng Kế hoạch nghiệp vụ tín dụng (hoặc Tổ trưởng Tổ Kế hoạch nghiệp vụ) và Giám đốc phê duyệt cho vay. Căn cứ phê duyệt của Giám đốc, người vay và NHCSXH thoả thuận các nội dung vay vốn để lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 02/HĐTD-KQ đính kèm. Hợp đồng tín dụng phải có đầy đủ chữ ký của người vay và Giám đốc NHCSXH nơi cho vay, đóng dấu giáp lai và được lập 02 bản, 01 bản người vay giữ và 01 bản NHCSXH giữ.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Giấy đề nghị vay vốn (theo mẫu số 01/TD-KQ đính kèm).

+ Hợp đồng đưa lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS được ký kết giữa người lao động và Trung tâm Lao động ngoài nước thuộc Bộ LĐ-TB&XH (bản chính).

+ Đối với trường hợp người vay thuộc đối tượng người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp theo Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ có Quyết định thu hồi đất có thời hạn trong vòng 3 năm kể từ ngày Quyết định thu hồi đất có hiệu lực (bản sao có chứng thực của UBND cấp xã).

+ Hợp đồng tín dụng (theo mẫu số 02/HĐTD-KQ đính kèm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nhận được hồ sơ vay vốn đầy đủ, hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục:

- Cá nhân.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH cấp huyện, cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: NHCSXH cấp huyện, cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

g. Kết quả thực hiện thủ tục:

- Phê duyệt cho vay và ký Hợp đồng tín dụng.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị vay vốn (theo mẫu số 01/TD-KQ đính kèm).

- Hợp đồng tín dụng (theo mẫu số 02/HĐTD-KQ đính kèm).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Đối tượng được vay để ký quỹ là người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS và thuộc đối tượng được vay vốn để chi phí cho việc đi lao động có thời hạn ở nước ngoài theo quy định hiện hành của Chính phủ và được Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn tại các văn bản:

- Văn bản số 1034/NHCS-TD ngày 21/4/2008 hướng dẫn nghiệp vụ cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;

- Văn bản 2667/NHCS-TDNN ngày 21/9/2009 hướng dẫn thực hiện cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 297/NHCS-TDNN ngày 04/02/2013 hướng dẫn thực hiện cho vay người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp theo Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Người lao động cư trú hợp pháp trên địa bàn huyện, quận, thị xã.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc;

- Thông tư liên tịch số 31/2013/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12/11/2013 của Liên Bộ Lao động – Thương binh và xã hội – Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS;

- Văn bản số 4021/NHCS-TDNN ngày 27/12/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay để ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS.



GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
(Dùng cho người vay để ký quỹ)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ tên người vay:..... Dân tộc:.....

Giới tính:.....Sinh ngày...../...../..... Tình trạng hôn nhân.....

Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....

Cư trú tại: thôn.....; xã.....; huyện.....; tỉnh.....

Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho tôi vay để ký quỹ đi làm việc tại Hàn Quốc theo Hợp đồng số.....ngày...../...../.....với số tiền:đồng.

Thời hạn xin vay:.....tháng. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

Tôi xin cam kết

1. Sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn.

2. Trong thời gian làm việc tại Hàn Quốc sẽ trích một phần thu nhập hàng tháng để trả nợ tiền vay.

Nếu không thực hiện đúng các cam kết trên đây tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ

Người vay vốn có tên trên đang cư trú hợp pháp tại xã là.....

Ngày... tháng ...năm ...

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND Xã

(Ký tên, đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

Số tiền cho vay:đồng.

Thời hạn xin vay:.....tháng.

Lãi suất:%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:.....% lãi suất khi cho vay.

Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

Lãi tiền vay được trả theo định kỳ NHCSXH nhập lãi tiền gửi ký quỹ.

Cán bộ tin dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng
(Tổng trưởng) TD**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày...tháng...năm...
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:/HĐTD-KQ

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc hội khóa XII;

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội khóa XI;

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho người lao động nước ngoài của Hàn Quốc (sau đây gọi tắt là Chương trình EPS);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 31/2013/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12/11/2013 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS;

Căn cứ văn bản số 4021/NHCS-TDNN ngày 27/12/2013 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn nghiệp vụ cho vay để ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho người lao động nước ngoài của Hàn Quốc,

Hôm nay, ngày / /, tại Ngân hàng Chính sách xã hội.....

....., chúng tôi gồm:

- **BÊN CHO VAY** (sau đây gọi là Bên A):

Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Người đại diện: Chức vụ:

Văn bản ủy quyền (nếu có), số.....ngày...../...../..... do ông (bà):

.....chức vụ:..... ủy quyền.

- **BÊN VAY** (sau đây gọi là Bên B):

Họ và tên người vay: Sinh ngày / /

CMND số: Ngày cấp..... / / Nơi cấp.....

Cư trú tại: Thôn..... xã.....

huyện..... tỉnh.....

Hộ khẩu thường trú: Thôn..... xã.....

huyện..... tỉnh.....

Hai bên thỏa thuận và thống nhất về việc vay vốn Bên A để ký quỹ với các điều, khoản sau:

Điều 1. Nội dung cho vay

1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): đồng
Bằng chữ:
2. Thời hạn cho vay: tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày/...../.....
3. Lãi suất tiền vay: Lãi suất cho vay: %/ tháng.

Điều 2. Phát tiền vay

Bên A phát tiền vay bằng chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi ký quỹ của Bên B theo số TK.....được Bên B mở tại bên A.

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

Tiền vay được sử dụng để ký quỹ tại NHCSXH phục vụ cho việc đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS.

Điều 4. Thu nợ gốc, thu lãi

1. Bên A được quyền tự động trích tài khoản ký quỹ của Bên B để thu nợ gốc khi nhận được thông báo của Hội sở chính NHCSXH hoặc của Trung tâm lao động ngoài nước, Cục quản lý lao động ngoài nước thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc tự động trích tiền từ tài khoản ký quỹ của Bên B để thu nợ gốc vào ngày trả nợ cuối cùng ghi trong Hợp đồng này.

Trường hợp Bên B dùng nguồn khác để trả nợ trước hạn, Bên A tiến hành thu nợ cho Bên B.

2. Định kỳ hàng tháng Bên A thực hiện trả lãi tiền gửi ký quỹ cho bên B và tự động trích lãi từ tài khoản tiền gửi ký quỹ của bên B để thu lãi tiền vay theo lãi suất cho vay.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

1. Quyền của Bên A

a) Tự động trích tài khoản ký quỹ của Bên B để thu nợ gốc khi nhận được thông báo của Hội sở chính NHCSXH hoặc của Trung tâm lao động ngoài nước, Cục quản lý lao động ngoài nước thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc tự động trích tiền từ tài khoản ký quỹ của Bên B để thu nợ gốc vào ngày trả nợ cuối cùng ghi trong Hợp đồng vay vốn.

b) Trích lãi từ tài khoản tiền gửi ký quỹ của Bên B để thu lãi theo quy định.

c) Yêu cầu Bên B thực hiện đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng này.

2. Nghĩa vụ của Bên A

a) Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b) Chuyển khoản toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng này vào tài khoản tiền gửi ký quỹ của Bên B,

c) Chịu mọi chi phí in ấn chỉ trong bộ hồ sơ vay vốn và cung cấp đầy đủ giấy tờ trong bộ hồ sơ vay vốn cho Bên B.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền của Bên B

- a) Trả nợ trước hạn.
- b) Từ chối mọi yêu cầu của Bên A trái với thỏa thuận trong Hợp đồng này.

2. Nghĩa vụ của Bên B

- a) Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- b) Sử dụng tiền vay đúng mục đích được duyệt. Hoàn trả đầy đủ nợ vay (cả tiền gốc và lãi) theo đúng thời hạn ghi trong Hợp đồng này.

Điều 6. Một số thỏa thuận khác

.....

.....

.....

Điều 7. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và lãi.

Điều 8. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh tất cả các điều khoản của Hợp đồng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều khoản phải được hai bên thỏa thuận bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp không hòa giải được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện trước pháp luật.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản/.

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)

3. Thủ tục phê duyệt cho vay hỗ trợ để chi phí đi học nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Người vay tự nguyện gia nhập Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại nơi sinh sống.

+ Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) kèm Giấy xác nhận của nhà trường (bản chính) hoặc Giấy báo nhập học (bản sao) gửi cho Tổ trưởng Tổ TK&VV.

- Bước 2:

+ Tổ TK&VV nhận được hồ sơ xin vay của người vay, tiến hành họp Tổ để bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD), đối chiếu với đối tượng xin vay đúng với chính sách vay vốn của Chính phủ. Nếu chưa đúng thì hướng dẫn người vay lập lại thủ tục hoặc bổ sung phần còn thiếu. Sau đó lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD), Giấy xác nhận của nhà trường hoặc Giấy báo nhập học trình UBND cấp xã xác nhận.

+ Tại UBND cấp xã, xác nhận hộ vay thuộc đối tượng được vay vốn và đăng cư trú hợp pháp tại xã và phê duyệt Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH(mẫu 03/TD).

+ Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã, Tổ TK&VV gửi toàn bộ hồ sơ đề nghị vay vốn trực tiếp tại trụ sở NHCSXH cấp huyện để làm thủ tục phê duyệt cho vay.

- Bước 3:

+ NHCSXH cấp huyện nhận được hồ sơ do Tổ TK&VV gửi đến, thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn.

+ Sau khi phê duyệt, NHCSXH cấp huyện lập thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã.

- Bước 4: UBND cấp xã thông báo đến tổ chức Hội nhận ủy thác cấp xã để tổ chức Hội thông báo đến Tổ TK&VV. Tổ TK&VV thông báo đến người vay kết quả phê duyệt cho vay.

b. Cách thức thực hiện:

Người vay gửi trực tiếp hồ sơ cho Tổ TK&VV, Tổ TK&VV gửi trực tiếp cho NHCSXH cấp huyện nơi cho vay.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Người vay:

* Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD): 01 liên (bản chính).

* Giấy xác nhận của nhà trường (bản chính) hoặc Giấy báo nhập học đối với HSSV năm đầu (bản sao có công chứng): 01 liên.

+ Đối với Tổ TK&VV:

* Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD): 02 liên (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: như trên.

d. Thời hạn giải quyết được sửa đổi, bổ sung như sau:

Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nhận được hồ sơ vay vốn đầy đủ, hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục: Cá nhân

e. Cơ quan thực hiện thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH cấp huyện nơi cho vay.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: NHCSXH cấp huyện nơi cho vay.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND cấp xã, tổ chức chính trị - xã hội, nhà trường hoặc cơ sở đào tạo.

g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục:

- Thông báo phê duyệt cho vay theo mẫu 04/TD.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD)

- Giấy xác nhận của nhà trường hoặc Giấy báo nhập học.

- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD)

k. Yêu cầu điều kiện thủ tục:

- Học viên là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:

+ Hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.

+ Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật.

- Học viên mà gia đình gặp khó khăn đột xuất về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.

- Đối với Học viên năm thứ nhất phải có giấy báo trúng tuyển hoặc giấy xác nhận được vào học của nhà trường.

- Đối với Học viên năm thứ hai trở đi phải có xác nhận của nhà trường không bị các cơ quan xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.

- Hộ vay phải là thành viên của Tổ TK&VV

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.
- Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013-2015.
- Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.
- Thông tư số 27/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2007 về việc hướng dẫn qui trình xác nhận đối tượng được vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.
- Văn bản 2162A/NHCS-TD ngày 02/10/2007 của Tổng giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện cho vay đối với học sinh, sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ.
- Văn bản số 1883/NHCS-TD ngày 10/7/2008 của Tổng giám đốc về việc ban hành Giấy cam kết trả nợ và thay Giấy xác nhận.
- Văn bản số 243/NHCS-TD ngày 18/02/2009 của Tổng giám đốc NHCSXH về hướng dẫn quy trình phát hành Sổ vay vốn và phát hành Biên lai thu lãi tiền vay.
- Văn bản số 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 của Tổng giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.
- Văn bản số 2934/NHCS-TDNN ngày 02/12/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung nghiệp vụ phát hành biên lai thu lãi, huy động tiền gửi tiết kiệm của tổ viên Tổ TK&VV và thanh toán hoa hồng cho Tổ TK&VV;
- Văn bản số 3827/NHCS-TDNN ngày 12/12/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện cho vay vốn theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015;



GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIÊM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
Chương trình cho vay:.....

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Họ tên người vay:..... Năm sinh:.....
 - Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....
 - Địa chỉ cư trú: thôn.....; xã.....huyện.....
 - Là thành viên Tổ TK&VV do ông (bà)làm tổ trưởng.
 - Thuộc tổ chức Hội:.....quản lý.

2. Đề nghị NHCSXH cho vay số tiền:.....đồng
 (Bằng chữ.....)

Để thực hiện phương án:.....

Tổng nhu cầu vốn:.....đồng. Trong đó:

+ Vốn tự có tham gia:.....đồng.

+ Vốn vay NHCSXH:.....đồng để dùng vào việc:

Đối tượng

Số lượng

Thành tiền

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
.....
.....
.....

- Thời hạn xin vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ: tháng/lần.

- Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

Chúng tôi cam kết: sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày..... tháng năm

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Số tiền cho vay:đồng (Bằng chữ:.....)

2. Lãi suất:%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.

3. Thời hạn cho vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ:tháng/lần.

4. Số tiền trả nợ: đồng/lần. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

5. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng

(Tổ trưởng) TD

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

TRƯỜNG (CƠ SỞ ĐÀO TẠO) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....
.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

Họ và tên học sinh (sinh viên):.....

Ngày sinh:...../...../.....Giới tính: Nam Nữ

CMND số:ngày cấp/...../..... Nơi cấp:

Mã trường theo học (mã quy ước trong tuyển sinh ĐH, CĐ, TCCN):.....

Tên trường:.....

Ngành học:.....

Hệ đào tạo (Đại học, cao đẳng, dạy nghề):.....

Khoá:.....Loại hình đào tạo:.....

Lớp:.....Số thẻ HSSV:.....

Khoa:.....

Ngày nhập học:...../...../.....Thời gian ra trường (tháng/năm):...../...../.....

(Thời gian học tại trường: tháng)

- Số tiền học phí hàng tháng:.....đồng.

Thuộc diện: - Không miễn giảm

- Giảm học phí

- Miễn học phí

Thuộc đối tượng: - Mồ côi

- Không mồ côi

- Trong thời gian theo học tại trường, anh (chị)

không bị xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.

- Số tài khoản của nhà trường :....., tại ngân hàng.....

....., ngàytháng..... năm

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

Tên tổ TK&VV:
 Thôn:
 Xã:
 Huyện:

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH
ĐỀ NGHỊ VAY VỐN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
Chương trình cho vay.....

Mẫu số: 03/TD. Lớp 04 liên
 - 02 liên lưu NH(01 liên đóng chứng từ,
 01 liên lưu hồ sơ cho vay)
 - 01 liên lưu tổ TK&VV,
 - 01 liên tổ chức CTXH.

Tại cuộc họp các thành viên trong tổ ngày / / đã bình xét các hộ thành viên xin vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội. Toàn tổ nhất trí đề xuất những người có tên dưới đây được vay vốn đợt này:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Đề nghị của Tổ TK&VV		Phê duyệt của Ngân hàng		
			Số tiền	Thời hạn	Số tiền	Thời hạn	
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							
3							
.....							
	Cộng:						

Đơn vị: nghìn đồng

Tổ trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 Ngày tháng năm
Phản xác nhận của UBND xã
 Các hộ có tên trên đang cư trú hợp pháp tại xã, thuộc diện hộ

UBND xã
 (Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm
Phê duyệt của Ngân hàng
 Số hộ được vay vốn đợt này:hộ.
 Tổng số tiền cho vay: đồng.
 Số hộ chưa được vay đợt này:hộ, có số thứ tự trong danh sách là:.....

Cán bộ tín dụng
 (Ký, ghi rõ họ tên)
Trưởng phòng
 (Tổ trưởng) TD
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)

4. Thủ tục phê duyệt cho vay hỗ trợ để chi phí đi xuất khẩu lao động cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015.

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

Người vay tự nguyện gia nhập Tổ TK&VV tại nơi sinh sống. Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) kèm Hợp đồng lao động đã ký giữa người lao động với bên tuyển dụng hoặc Thông báo tuyển dụng của bên tuyển dụng, gửi Tổ trưởng Tổ TK&VV.

- Bước 2:

Tổ TK&VV nhận hồ sơ vay vốn của tổ viên, tiến hành tổ chức họp Tổ để kiểm tra các yếu tố trên Giấy đề nghị vay vốn, đối chiếu với đối tượng xin vay đúng với chính sách vay vốn của Chính phủ, nếu hồ sơ vay vốn chưa đúng thì hướng dẫn người vay làm lại. Sau đó lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) trình UBND cấp xã xác nhận;

Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD), Tổ TK&VV gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH cấp huyện để làm thủ tục phê duyệt cho vay.

- Bước 3:

NHCSXH nơi cho vay nhận bộ hồ sơ vay vốn để xem xét, phê duyệt cho vay. Sau khi phê duyệt, NHCSXH gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) tới UBND cấp xã.

- Bước 4:

UBND cấp xã thông báo đến tổ chức Hội nhận uỷ thác cấp xã để thông báo tới Tổ TK&VV và Tổ thông báo đến người vay.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Tổ TK&VV nơi người vay sinh sống.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) (bản chính).

+ Hợp đồng lao động đã ký giữa người lao động với bên tuyển dụng (nếu bên tuyển dụng là doanh nghiệp dịch vụ); hoặc Thông báo tuyển dụng (nếu bên tuyển dụng là tổ chức sự nghiệp) (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục: Cá nhân

e. Cơ quan thực hiện thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH cấp huyện, cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: NHCSXH cấp huyện, cấp tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục:

- Thông báo phê duyệt cho vay theo mẫu số 04/TD

h. Lệ phí:

- Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả hộ có vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số), đời sống khó khăn giai đoạn 2013-2015 thuộc 13 tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long được xác định theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 31/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015;

- Được bên tuyển dụng (gồm doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp) chính thức tiếp nhận đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013-2015.

- Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020;

- Thông tư liên tịch số 31/2009/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 09/9/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính "Hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020".

- Văn bản số 3354/LĐTBXH-QLLĐNN ngày 09/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về mức trần chi phí đối với lao động huyện nghèo vay vốn đi làm việc ở nước ngoài;

- Văn bản số 2667/NHCS-TDNN ngày 21/9/2009 của Tổng giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 1034/NHCS-TD ngày 21/4/2008 của Tổng giám đốc NHCSXH Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;

- Văn bản số 243/NHCS-TD ngày 18/02/2009 của Tổng giám đốc NHCSXH Hướng dẫn phát hành Sổ vay vốn và phát hành Biên lai thu lãi.

- Văn bản số 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 của Tổng giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Văn bản số 2934/NHCS-TDNN ngày 02/12/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung nghiệp vụ phát hành biên lai thu lãi, huy động tiền gửi tiết kiệm của tổ viên Tổ TK&VV và thanh toán hoa hồng cho Tổ TK&VV;

- Văn bản số 3827/NHCS-TDNN ngày 12/12/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện cho vay vốn theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015.



GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIÊM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
Chương trình cho vay:.....

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Họ tên người vay:..... Năm sinh:.....
 - Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....
 - Địa chỉ cư trú: thôn.....; xã.....huyện.....
 - Là thành viên Tổ TK&VV do ông (bà)làm tổ trưởng.
 - Thuộc tổ chức Hội:.....quản lý.

2. Đề nghị NHCSXH cho vay số tiền:.....đồng
 (Bằng chữ.....)

Để thực hiện phương án:.....

Tổng nhu cầu vốn:.....đồng. Trong đó:

+ Vốn tự có tham gia:.....đồng.

+ Vốn vay NHCSXH:.....đồng để dùng vào việc:

Đối tượng

Số lượng

Thành tiền

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
.....
.....
.....

- Thời hạn xin vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ: tháng/lần.

- Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

Chúng tôi cam kết: sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày..... tháng năm

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Số tiền cho vay:đồng (Bằng chữ:.....)

2. Lãi suất:%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.

3. Thời hạn cho vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ:tháng/lần.

4. Số tiền trả nợ: đồng/lần.Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

5. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng

(Tổ trưởng) TD

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Tên tổ TK&VV:
 Thôn:
 Xã:
 Huyện:

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH
ĐỀ NGHỊ VAY VỐN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
Chương trình cho vay.....

Mẫu số: 03/TD. Lập 04 liên
 - 02 liên lưu NH(01 liên đóng chứng từ,
 01 liên lưu hồ sơ cho vay)
 - 01 liên lưu tổ TK&VV,
 - 01 liên tổ chức CTXH.

Tại cuộc họp các thành viên trong tổ ngày / / đã bình xét các hộ thành viên xin vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội. Toàn tổ nhất trí đề xuất những người có tên dưới đây được vay vốn đợt này:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Đề nghị của Tổ TK&VV		Phê duyệt của Ngân hàng		
			Số tiền	Thời hạn	Số tiền	Thời hạn	
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							
3							
....							
	Cộng:						

Đơn vị: nghìn đồng

Tổ trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 Ngày tháng năm
Phản xác nhận của UBND xã
 Các hộ có tên trên đang cư trú hợp pháp tại xã, thuộc diện hộ

UBND xã
 (Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm
Phê duyệt của Ngân hàng
 Số hộ được vay vốn đợt này:hộ.
 Tổng số tiền cho vay: đồng.
 Số hộ chưa được vay đợt này:hộ, có số thứ tự trong danh sách là:.....
Cán bộ tín dụng **Trưởng phòng** **Giám đốc**
 (Ký, ghi rõ họ (Tổ trưởng) TD (Ký tên, đóng dấu)
 tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

5. Thủ tục phê duyệt cho vay hỗ trợ để phát triển sản xuất, kinh doanh và hỗ trợ để chuộc lại đất sản xuất đã chuyển nhượng, thế chấp cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Người vay tự nguyện gia nhập Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại nơi sinh sống.

+ Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) gửi tổ trưởng Tổ TK&VV.

- Bước 2:

+ Tổ TK&VV cùng tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác cấp xã, Trưởng thôn tổ chức họp đối chiếu tên người đề nghị vay vốn với Danh sách hộ DTTS ĐBKK được UBND cấp huyện phê duyệt, đảm bảo theo thứ tự ưu tiên trong danh sách.

+ Sau đó lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH theo mẫu số 03/TD kèm Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) và Biên bản họp bình xét cho vay có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham dự cuộc họp gửi Ban giám nghèo để trình UBND cấp xã xác nhận.

- Bước 3:

+ NHCSXH nơi cho vay nhận bộ hồ sơ vay vốn, tiến hành xem xét, kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, trình Giám đốc phê duyệt cho vay. Trường hợp chưa đầy đủ các yếu tố theo quy định thì cán bộ NHCSXH hướng dẫn Tổ TK&VV làm lại hồ sơ và thủ tục theo quy định.

+ Sau khi phê duyệt, NHCSXH gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) tới UBND cấp xã.

- Bước 4:

UBND cấp xã thông báo kết quả phê duyệt cho vay đến tổ chức Hội nhận uỷ thác cấp xã để thông báo tới Tổ TK&VV và Tổ thông báo đến người vay.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Tổ TK&VV nơi người vay sinh sống.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Hộ vay vốn:

▪ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD).

▪ Sổ vay vốn.

+ Tổ TK&VV:

- Biên bản họp Tổ TK&VV mẫu số 10A/TD đối với Tổ thành lập mới hoặc mẫu số 10C/TD đối với trường hợp kết nạp bổ sung tổ viên.
- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục:

- Cá nhân.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH và UBND cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: NHCSXH cấp huyện, cấp tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục:

- Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD)

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD).
- Biên bản họp Tổ TK&VV mẫu số 10A/TD đối với Tổ thành lập mới hoặc mẫu số 10C/TD đối với trường hợp kết nạp bổ sung tổ viên.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Hộ DTTS ĐBKK thuộc đối tượng được vay vốn theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 phải có đủ các điều kiện sau:

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả hộ có vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số), đời sống khó khăn giai đoạn 2013-2015 thuộc 13 tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long được xác định theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 31/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015;

- Cư trú ổn định, hợp pháp tại địa phương; có tên trong Danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã quản lý lập, xác nhận.

- Đối với hộ vay để chuộc lại đất sản xuất đã chuyển nhượng, thế chấp phải:

+ Có phương án hoặc nhu cầu sử dụng vốn vay vào sản xuất, kinh doanh được chính quyền cùng các tổ chức chính trị - xã hội của thôn hỗ trợ gia đình lập theo mẫu số 01/TD.

+ Sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, không được sử dụng khoản vốn vay để gửi lại vào các ngân hàng khác.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09/06/2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2008-2010.

- Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015;

- Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013-2015.

- Thông tư số 02/2013/TT-UBDT ngày 24/6/2013 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số điều Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg.

- Thông tư số 03/2013/TT-UBDT ngày 28/10/2013 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015;

- Văn bản số 243/NHCS-TD ngày 18/02/2009 của Tổng giám đốc NHCSXH Hướng dẫn phát hành Sổ vay vốn và phát hành Biên lai thu lãi;

- Văn bản số 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Văn bản số 2934/NHCS-TDNN ngày 02/12/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung nghiệp vụ phát hành biên lai thu lãi, huy động tiền gửi tiết kiệm của tổ viên Tổ TK&VV và thanh toán hoa hồng cho Tổ TK&VV;

- Văn bản số 1004/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện Điều 21 Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV

- Văn bản số 2744/NHCS-TDNN ngày 06/8/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015 theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 3827/NHCS-TDNN ngày 12/12/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện cho vay vốn theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015.



GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIÊM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
Chương trình cho vay:.....

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Họ tên người vay:..... Năm sinh:.....
 - Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....
 - Địa chỉ cư trú: thôn.....; xã.....huyện.....
 - Là thành viên Tổ TK&VV do ông (bà) làm tổ trưởng.
 - Thuộc tổ chức Hội:.....quản lý.

2. Đề nghị NHCSXH cho vay số tiền:.....đồng
 (Bằng chữ.....)

Đề thực hiện phương án:.....

Tổng nhu cầu vốn:.....đồng. Trong đó:

+ Vốn tự có tham gia:.....đồng.

+ Vốn vay NHCSXH:.....đồng để dùng vào việc:

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
.....
.....
.....

- Thời hạn xin vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ: tháng/lần.

- Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

Chúng tôi cam kết: sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày..... tháng năm

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Số tiền cho vay:đồng (Bằng chữ:.....)

2. Lãi suất:%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.

3. Thời hạn cho vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ:tháng/lần.

4. Số tiền trả nợ: đồng/lần.Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

5. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

BIÊN BẢN HỌP

Về việc thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn

Thời gian bắt đầu:giờ....., ngày...../...../.....

Địa điểm: Thôn....., xã....., huyện.....

Thành phần tham dự:

-người là đại diện hộ gia đình cùng cư trú tại địa bàn thôn

.....xã.....huyện.....

- Ông (bà).....là Trưởng thôn, chứng kiến cuộc họp

Chủ trì: Ông (bà).....chức vụ.....

Thư ký: Ông (bà).....là đại diện hộ gia đình

NỘI DUNG

Đại diện các hộ gia đình tự nguyện họp để thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động Tổ TK&VV ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH. Sau khi thảo luận, cuộc họp thống nhất các nội dung sau:

I. DANH SÁCH TỔ VIÊN TỰ NGUYỄN GIA NHẬP TỔ TK&VV

1	25
2	26
3	27
4	28
5	29
6	30
7	31
8	32
9	33
10	34
11	35
12	36
13	37
14	38
15	39
16	40
17
18
19
20
21
22
23
24

Tổng số:.....tổ viên

II. QUY ƯỚC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ

1. Tổ TK&VV là tập hợp các hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu vay vốn NHCSXH để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống; cùng tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, kinh doanh và đời sống, giúp đỡ nhau từng bước có thói quen thực hành tiết kiệm để tạo lập nguồn vốn tự có; cùng giám sát lẫn nhau trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ NHCSXH.

2. Tổ TK&VV hoạt động theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số dưới sự điều hành của Ban quản lý Tổ. Tổ sinh hoạt định kỳ hàng tháng vào ngàyhoặc đột xuất để giải quyết công việc phát sinh (nếu có). Nội dung họp Tổ do Tổ trưởng chuẩn bị và thống nhất trong Ban quản lý Tổ.

3. Cuộc họp của Tổ khi có các nội dung biểu quyết thì phải có ít nhất 2/3 số tổ viên dự họp và có ít nhất 2/3 số tổ viên có mặt tại cuộc họp tán thành mới có giá trị thực hiện. Các nội dung họp Tổ phải biểu quyết bao gồm: kết nạp tổ viên, cho tổ viên ra khỏi Tổ, nội dung quy ước hoạt động, bầu Tổ trưởng và Tổ phó, bình xét cho vay từng hộ. Nội dung cuộc họp Tổ phải được lập thành biên bản và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Điều hành hoạt động của Tổ có Ban quản lý Tổ do các tổ viên trong Tổ bầu chọn, Ban quản lý Tổ gồm tổ trưởng và tổ phó là người có phẩm chất đạo đức, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công việc và được phân công nhiệm vụ như sau:

a) Tổ trưởng là người đại diện cho Tổ chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành hoạt động của Tổ theo Quy ước hoạt động đã được Tổ thông qua, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của Ban quản lý Tổ và nhiệm vụ của Tổ trưởng theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV đã được ghi trong Hợp đồng ủy nhiệm của NHCSXH.

b) Tổ phó giúp việc cho Tổ trưởng trong việc điều hành, giải quyết công việc của Tổ và thay mặt Tổ trưởng giao dịch với NHCSXH khi được Tổ trưởng phân công. Riêng trường hợp Tổ phó nhận tiền hoa hồng từ NHCSXH thì phải có Giấy ủy quyền của Tổ trưởng và có xác nhận của UBND cấp xã.

5. Các tổ viên trong Tổ cam kết thực hiện tốt các nội dung sau:

a) Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt định kỳ hoặc đột xuất và các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư,... để nâng cao trình độ sản xuất, kinh doanh.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay, có hiệu quả. Có nghĩa vụ trả nợ gốc, trả lãi đầy đủ, đúng kỳ hạn đã thoả thuận với NHCSXH.

c) Thực hành tiết kiệm và gửi vào NHCSXH theo định kỳ hàng tháng với mức tối thiểu là đồng/tổ viên kể từ tháng...../.....

d) Mỗi tổ viên của Tổ cam kết tương trợ giúp đỡ nhau, trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh và đời sống; có trách nhiệm giám sát lẫn nhau trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay, trả nợ (gốc, lãi) NHCSXH và thực hiện nghiêm túc Quy ước hoạt động của Tổ.



đ) Nếu Ban quản lý Tổ được NHCSXH tín nhiệm ủy nhiệm thu lãi, thu tiền gửi của các tổ viên, thì toàn bộ tổ viên trong Tổ hoàn toàn nhất trí để Ban quản lý Tổ thu lãi, thu tiền gửi để nộp NHCSXH. Riêng việc trả nợ gốc, tổ viên phải nộp tiền trực tiếp cho NHCSXH.

e) Mỗi lần nộp tiền (tiền lãi, tiền gửi) cho Tổ trưởng, tổ viên ký vào Bảng kê lãi phải thu - lãi thực thu - tiền gửi - trả nợ gốc từ tiền gửi (gọi tắt là Bảng kê 13/TD) ngay khi nộp tiền cho Tổ trưởng; đồng thời nhận lại Biên lai thu lãi và thu tiền gửi tiết kiệm; tiến hành kiểm tra, đối chiếu về: số tiền gốc, số tiền lãi còn nợ NHCSXH, số dư tiền gửi tiết kiệm đã được in trên Biên lai và thông báo cho NHCSXH nếu có chênh lệch.

g) Tổ viên phải lưu giữ đầy đủ các loại Sổ sách, giấy tờ sau:

- Sổ vay vốn để thường xuyên theo dõi số tiền còn nợ NHCSXH.

- Biên lai thu lãi và thu tiền gửi đã có chữ ký của Tổ trưởng để làm cơ sở chứng minh cho số tiền lãi, tiền gửi đã nộp cho Tổ trưởng; trường hợp trả nợ gốc bằng chuyển khoản từ tiền gửi thì tổ viên cần lưu giữ Phiếu chuyển khoản.

Nội dung quy ước trên được/..... thành viên dự họp tán thành.

III. BẦU BAN QUẢN LÝ CỦA TỔ TK&VV

1. Các tổ viên dự họp thống nhất bầu ban quản lý Tổ gồm các ông, bà có tên dưới đây:

a) Ông (Bà).....chức vụ: Tổ trưởng với...../..... tổ viên tán thành

b) Ông (Bà)..... chức vụ: Tổ phó với/..... tổ viên tán thành

2. Ban quản lý Tổ TK&VV thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động Tổ TK&VV ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH và các quy định liên quan hiện hành của NHCSXH.

Biên bản này được lập thành 02 bản, được các tổ viên trong Tổ hoàn toàn nhất trí thông qua. Đề nghị UBND xã chấp thuận và cho phép Tổ TK&VV được hoạt động tại địa phương.

Cuộc họp kết thúc vào.....giờ....., ngày...../...../.....

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG THÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Chấp thuận và cho phép Tổ TK&VV do ông (bà).....làm Tổ trưởng và ông (bà)..... làm Tổ phó được thành lập, hoạt động theo Quy ước của Tổ đề ra và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về hoạt động của Tổ.

Ngày.....tháng.....năm.....

UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

6. Thủ tục phê duyệt cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn đoạn 2012-2015 theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

Khi hộ DTTS ĐBKK có nhu cầu vay vốn, UBND cấp xã hoặc một trong các tổ chức chính trị - xã hội thôn hỗ trợ hộ vay lập Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay theo mẫu số 01/TD để gửi Tổ TK&VV.

- Bước 2:

+ Tổ TK&VV cùng tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã, Trưởng thôn tổ chức họp đối chiếu tên người đề nghị vay vốn với Danh sách hộ DTTS ĐBKK được UBND cấp huyện phê duyệt, đảm bảo theo thứ tự ưu tiên trong danh sách.

+ Sau đó lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH theo mẫu số 03/TD kèm Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) và Biên bản họp bình xét cho vay có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham dự cuộc họp gửi Ban giám nghèo để trình UBND cấp xã xác nhận.

- Bước 3:

+ NHCSXH nơi cho vay nhận bộ hồ sơ vay vốn, tiến hành xem xét, kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, trình Giám đốc phê duyệt cho vay. Trường hợp chưa đầy đủ các yếu tố theo quy định thì cán bộ NHCSXH hướng dẫn Tổ TK&VV làm lại hồ sơ và thủ tục theo quy định.

+ Sau khi phê duyệt, NHCSXH gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) tới UBND cấp xã.

- Bước 4:

UBND cấp xã thông báo kết quả phê duyệt cho vay đến tổ chức Hội nhận ủy thác cấp xã để thông báo tới Tổ TK&VV và Tổ thông báo đến người vay.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Tổ TK&VV nơi người vay sinh sống.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Hộ vay vốn

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD).
- Sổ vay vốn.

+ Tổ TK&VV

- Biên bản họp Tổ TK&VV mẫu số 10A/TD đối với Tổ thành lập mới hoặc mẫu số 10C/TD đối với trường hợp kết nạp bổ sung tổ viên.
- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục:

- Cá nhân

e. Cơ quan thực hiện thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH và UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: NHCSXH cấp huyện, cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục:

- Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD)

h. Lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD).

- Biên bản họp Tổ TK&VV mẫu số 10A/TD đối với Tổ thành lập mới hoặc mẫu số 10C/TD đối với trường hợp kết nạp bổ sung tổ viên.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Hộ DTTS ĐBKK thuộc đối tượng được vay vốn theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg phải có đủ các điều kiện sau:

- Là hộ dân tộc thiểu số (kể cả hộ có vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số) cư trú hợp pháp, ổn định ở các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) thuộc vùng khó khăn;

+ Có tên trong Danh sách hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã lập và được UBND cấp huyện phê duyệt.

+ Trường hợp, thành viên trong hộ đứng tên vay vốn không trùng với tên người đại diện hộ DTTS ĐBKK trong Danh sách được UBND cấp huyện phê duyệt thì phải được UBND cấp xã nơi hộ vay cư trú xác nhận quan hệ của người vay và người có tên trong Danh sách hộ DTTS ĐBKK là thành viên trong cùng một hộ. Việc xác nhận này được Chủ tịch UBND cấp xã ghi, ký tên, đóng dấu vào dưới phần “Cam kết của hộ vay” trên Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD).

- Có phương án hoặc nhu cầu sử dụng vốn vay vào sản xuất, kinh doanh được chính quyền cùng các tổ chức chính trị - xã hội của thôn hỗ trợ gia đình lập theo mẫu số 01/TD.

- Sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, không được sử dụng khoản vốn vay để gửi lại vào các ngân hàng khác.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015;

- Thông tư số 02/2013/TT-UBDT ngày 24/6/2013 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện một số điều Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg.

- Văn bản số 243/NHCS-TD ngày 18/02/2009 của Tổng giám đốc NHCSXH Hướng dẫn phát hành Sổ vay vốn và phát hành Biên lai thu lãi.

- Văn bản số 1004/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện Điều 21 Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV

- Văn bản số 2744/NHCS-TDNN ngày 06/8/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015 theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

m) Căn cứ pháp lý để thay thế thủ tục:

Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015;



GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIÊM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
Chương trình cho vay:.....

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Họ tên người vay:..... Năm sinh:.....
 - Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....
 - Địa chỉ cư trú: thôn.....; xã.....huyện.....
 - Là thành viên Tổ TK&VV do ông (bà) làm tổ trưởng.
 - Thuộc tổ chức Hội:..... quản lý.

2. Đề nghị NHCSXH cho vay số tiền:.....đồng
 (Bằng chữ.....)

Để thực hiện phương án:.....

Tổng nhu cầu vốn:.....đồng. Trong đó:

+ Vốn tự có tham gia:.....đồng.

+ Vốn vay NHCSXH:.....đồng để dùng vào việc:

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
.....
.....
.....

- Thời hạn xin vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ: tháng/lần.

- Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

Chúng tôi cam kết: sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày..... tháng năm

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Số tiền cho vay:đồng (Bằng chữ:.....)

2. Lãi suất:%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.

3. Thời hạn cho vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ:tháng/lần.

4. Số tiền trả nợ: đồng/lần.Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

5. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

BIÊN BẢN HỌP

Về việc thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn

Thời gian bắt đầu:giờ....., ngày...../...../.....

Địa điểm: Thôn....., xã....., huyện.....

Thành phần tham dự:

-người là đại diện hộ gia đình cùng cư trú tại địa bàn thôn
.....xã.....huyện.....

- Ông (bà).....là Trưởng thôn, chứng kiến cuộc họp

Chủ trì: Ông (bà).....chức vụ.....

Thư ký: Ông (bà).....là đại diện hộ gia đình

NỘI DUNG

Đại diện các hộ gia đình tự nguyện họp để thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động Tổ TK&VV ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH. Sau khi thảo luận, cuộc họp thống nhất các nội dung sau:

I. DANH SÁCH TỔ VIÊN TỰ NGUYỆN GIA NHẬP TỔ TK&VV

1	25
2	26
3	27
4	28
5	29
6	30
7	31
8	32
9	33
10	34
11	35
12	36
13	37
14	38
15	39
16	40
17
18
19
20
21
22
23
24

Tổng số:.....tổ viên

II. QUY ƯỚC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ

1. Tổ TK&VV là tập hợp các hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu vay vốn NHCSXH để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống; cùng tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, kinh doanh và đời sống, giúp đỡ nhau từng bước có thói quen thực hành tiết kiệm để tạo lập nguồn vốn tự có; cùng giám sát lẫn nhau trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ NHCSXH.

2. Tổ TK&VV hoạt động theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số dưới sự điều hành của Ban quản lý Tổ. Tổ sinh hoạt định kỳ hàng tháng vào ngàyhoặc đột xuất để giải quyết công việc phát sinh (nếu có). Nội dung họp Tổ do Tổ trưởng chuẩn bị và thống nhất trong Ban quản lý Tổ.

3. Cuộc họp của Tổ khi có các nội dung biểu quyết thì phải có ít nhất 2/3 số tổ viên dự họp và có ít nhất 2/3 số tổ viên có mặt tại cuộc họp tán thành mới có giá trị thực hiện. Các nội dung họp Tổ phải biểu quyết bao gồm: kết nạp tổ viên, cho tổ viên ra khỏi Tổ, nội dung quy ước hoạt động, bầu Tổ trưởng và Tổ phó, bình xét cho vay từng hộ. Nội dung cuộc họp Tổ phải được lập thành biên bản và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Điều hành hoạt động của Tổ có Ban quản lý Tổ do các tổ viên trong Tổ bầu chọn, Ban quản lý Tổ gồm tổ trưởng và tổ phó là người có phẩm chất đạo đức, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công việc và được phân công nhiệm vụ như sau:

a) Tổ trưởng là người đại diện cho Tổ chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành hoạt động của Tổ theo Quy ước hoạt động đã được Tổ thông qua, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của Ban quản lý Tổ và nhiệm vụ của Tổ trưởng theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV đã được ghi trong Hợp đồng ủy nhiệm của NHCSXH.

b) Tổ phó giúp việc cho Tổ trưởng trong việc điều hành, giải quyết công việc của Tổ và thay mặt Tổ trưởng giao dịch với NHCSXH khi được Tổ trưởng phân công. Riêng trường hợp Tổ phó nhận tiền hoa hồng từ NHCSXH thì phải có Giấy ủy quyền của Tổ trưởng và có xác nhận của UBND cấp xã.

5. Các tổ viên trong Tổ cam kết thực hiện tốt các nội dung sau:

a) Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt định kỳ hoặc đột xuất và các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư,... để nâng cao trình độ sản xuất, kinh doanh.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay, có hiệu quả. Có nghĩa vụ trả nợ gốc, trả lãi đầy đủ, đúng kỳ hạn đã thoả thuận với NHCSXH.

c) Thực hành tiết kiệm và gửi vào NHCSXH theo định kỳ hàng tháng với mức tối thiểu là đồng/tổ viên kể từ tháng...../.....

d) Mỗi tổ viên của Tổ cam kết tương trợ giúp đỡ nhau, trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh và đời sống; có trách nhiệm giám sát lẫn nhau trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay, trả nợ (gốc, lãi) NHCSXH và thực hiện nghiêm túc Quy ước hoạt động của Tổ.

đ) Nếu Ban quản lý Tổ được NHCSXH tín nhiệm ủy nhiệm thu lãi, thu tiền gửi của các tổ viên, thì toàn bộ tổ viên trong Tổ hoàn toàn nhất trí để Ban quản lý Tổ thu lãi, thu tiền gửi để nộp NHCSXH. Riêng việc trả nợ gốc, tổ viên phải nộp tiền trực tiếp cho NHCSXH.

e) Mỗi lần nộp tiền (tiền lãi, tiền gửi) cho Tổ trưởng, tổ viên ký vào Bảng kê lãi phải thu - lãi thực thu - tiền gửi - trả nợ gốc từ tiền gửi (gọi tắt là Bảng kê 13/TD) ngay khi nộp tiền cho Tổ trưởng; đồng thời nhận lại Biên lai thu lãi và thu tiền gửi tiết kiệm; tiến hành kiểm tra, đối chiếu về: số tiền gốc, số tiền lãi còn nợ NHCSXH, số dư tiền gửi tiết kiệm đã được in trên Biên lai và thông báo cho NHCSXH nếu có chênh lệch.

g) Tổ viên phải lưu giữ đầy đủ các loại Sổ sách, giấy tờ sau:

- Sổ vay vốn để thường xuyên theo dõi số tiền còn nợ NHCSXH.

- Biên lai thu lãi và thu tiền gửi đã có chữ ký của Tổ trưởng để làm cơ sở chứng minh cho số tiền lãi, tiền gửi đã nộp cho Tổ trưởng; trường hợp trả nợ gốc bằng chuyển khoản từ tiền gửi thì tổ viên cần lưu giữ Phiếu chuyển khoản.

Nội dung quy ước trên được/..... thành viên dự họp tán thành.

III. BẦU BAN QUẢN LÝ CỦA TỔ TK&VV

1. Các tổ viên dự họp thống nhất bầu ban quản lý Tổ gồm các ông, bà có tên dưới đây:

a) Ông (Bà).....chức vụ: Tổ trưởng với...../..... tổ viên tán thành

b) Ông (Bà)..... chức vụ: Tổ phó với/..... tổ viên tán thành

2. Ban quản lý Tổ TK&VV thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động Tổ TK&VV ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH và các quy định liên quan hiện hành của NHCSXH.

Biên bản này được lập thành 02 bản, được các tổ viên trong Tổ hoàn toàn nhất trí thông qua. Đề nghị UBND xã chấp thuận và cho phép Tổ TK&VV được hoạt động tại địa phương.

Cuộc họp kết thúc vào.....giờ....., ngày...../...../.....

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG THÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Chấp thuận và cho phép Tổ TK&VV do ông (bà).....làm Tổ trưởng và ông (bà)..... làm Tổ phó được thành lập, hoạt động theo Quy ước của Tổ đề ra và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về hoạt động của Tổ.

Ngày.....tháng.....năm.....

UBND CẤP XÃ

(Ký tên, đóng dấu)

7. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với Hộ gia đình thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh quản lý.

a) Trình tự thực hiện

Bước 1:

+ Người vay tự nguyện gia nhập Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại nơi sinh sống.

+ Người vay lập dự án vay vốn (mẫu số 1b) gửi Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV).

Bước 2: Tổ TK&VV nhận hồ sơ của người vay, tiến hành họp Tổ để bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên dự án, đối chiếu với đối tượng xin vay đúng với chính sách vay vốn của Chính phủ. Trường hợp người vay chưa là thành viên của Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tại thôn, bản đang hoạt động hiện nay tổ chức kết nạp thành viên bổ sung hoặc thành lập Tổ mới nếu đủ điều kiện.

Bước 3: Sau đó, Tổ TK&VV trình tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được NHCSXH nhận ủy thác để tiến hành thẩm định dự án (theo mẫu số 3b ban hành kèm theo Thông tư số 14).

Bước 4: Sau khi có kết quả thẩm định, Tổ TK&VV lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm theo dự án vay vốn (mẫu số 01b) trình UBND cấp xã xác nhận trên dự án về địa chỉ cư trú hợp pháp của hộ gia đình và xác nhận trên danh sách (mẫu số 03/TD) về địa chỉ cư trú hợp pháp tại xã, thuộc các hộ có nhu cầu vay vốn để giải quyết việc làm.

Bước 5: Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã, Tổ trưởng Tổ TK&VV nộp bộ hồ sơ xin vay cho NHCSXH cấp huyện nơi cho vay. Khi nhận hồ sơ do Tổ TK&VV gửi lên NHCSXH cấp huyện viết Giấy biên nhận (mẫu số 18/TD) sau đó trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay.

Bước 6: Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, NHCSXH cấp huyện nơi cho vay thực hiện việc kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ xin vay vốn và lập thông báo kết quả phê duyệt cho vay theo (mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã. UBND cấp xã thông báo cho tổ chức chính trị-xã hội cấp xã (đơn vị nhận ủy thác), tổ chức hội cấp xã thông báo đến Tổ TK&VV, Tổ TK&VV thông báo về thời gian, địa điểm giải ngân đến người vay.

b) Cách thức thực hiện

Người vay nộp hồ sơ đề nghị vay vốn trực tiếp cho Tổ TK&VV.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ sửa đổi như sau:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Người vay:

* Dự án vay vốn (theo mẫu số 1b)

* Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền

+ Đối với Tổ TK&VV:

* Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD)

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ (01 bộ người vay giữ, 01 bộ gửi sở Lao động-Thương binh và xã hội, 01 bộ NHCSXH nơi cho vay giữ).

d) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn thẩm định và phê duyệt cho vay:

- Trong thời hạn 15 ngày (tính theo ngày làm việc) kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, NHCSXH có trách nhiệm thẩm định hồ sơ cho vay trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay.

- Trong thời hạn 15 ngày (tính theo ngày làm việc) kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt, cơ quan có thẩm quyền phải phê duyệt dự án, nếu không ra Quyết định phê duyệt dự án thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để NHCSXH cấp huyện thông báo cho người vay.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục:

- Cá nhân

c) Cơ quan thực hiện thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: do Chủ tịch UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phê duyệt.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: NHCSXH cấp huyện nơi cho vay.

- Cơ quan phối hợp: các tổ chức chính trị - xã hội, UBND cấp xã.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục:

- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

h) Phí, lệ phí:

- Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai sửa đổi như sau:

- Dự án vay vốn (mẫu số 1b).

- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Một hộ vay vốn phải đảm bảo tạo thêm tối thiểu 01 chỗ làm việc mới.

- Phải có dự án vay vốn được UBND cấp xã hoặc cơ quan thực hiện chương trình ở địa phương nơi thực hiện dự án xác nhận.

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị quyết số 31/1999/QH10 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 6 về nhiệm vụ năm 2000.

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/04/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/04/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm.

- Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BLĐTB&XH-BTC-BKHĐT ngày 29/07/2008 của liên Bộ Lao động Thương binh và Xã hội-Bộ Tài chính-Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc hướng dẫn một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/04/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của quỹ quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg.

- Văn bản số 2539/NHCS-TD ngày 16/09/2008 của Tổng giám đốc NHCSXH Hướng dẫn quy trình thủ tục cho vay giải quyết việc làm của Quỹ quốc gia về việc làm.

- Văn bản số 2812/NHCS-TD ngày 09/10/2008 của Tổng Giám đốc NHCSXH V/v Bổ sung, sửa đổi một số điểm về nghiệp vụ cho vay giải quyết việc làm.

- Văn bản số 243/NHCS-TD ngày 18/02/2009 của Tổng giám đốc NHCSXH Hướng dẫn quy trình phát hành Sổ vay vốn và phát hành Biên lai thu lãi tiền vay.

- Văn bản số 720/NHCS-TDNN-HSSV, ngày 29/3/2011 của Tổng giám đốc NHCSXH về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

m) Căn cứ pháp lý để sửa đổi, bổ sung:

Căn cứ vào công văn số 2901/NHCS-TDSV ngày 29/8/2012 của Tổng giám đốc NHCSXH về việc giải quyết vướng mắc về nghiệp vụ tín dụng.

Mẫu số 1b

DỰ ÁN VAY VỐN QUỸ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM
(Áp dụng cho dự án hộ và nhóm hộ gia đình)

Tên dự án:.....
Họ và tên chủ dự án:
Chức vụ:
Địa chỉ thường trú:
Địa điểm thực hiện dự án:

I. MỤC TIÊU DỰ ÁN

1. Phát triển kinh tế hộ gia đình, tăng sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận.
2. Giải quyết việc làm cho lao động:
 - Tạo thêm chỗ làm việc mới, thu hút thêm lao động vào làm việc.
 - Đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động.

II. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Ngành nghề chính tham gia dự án:
 - Trồng trọt (số lượng hộ tham gia:
 - Chăn nuôi (số lượng hộ tham gia:
 - Tiểu, thủ công nghiệp, chế biến (số lượng hộ tham gia:
2. Tổng số hộ tham gia dự án (Biểu tổng hợp kèm theo):
 - Tổng số lao động các hộ tham gia dự án: (người)
 - Số lao động được tạo việc làm mới:(người)Trong đó:
 - + Lao động nữ:..... người; Lao động là người tàn tật:.....người
 - + Lao động là người dân tộc:..... người; Lao động bị thu hồi đất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất: người.
3. Tổng số vốn thực hiện dự án:
 - Nguồn vốn hiện có:.....(đồng), trong đó: Vốn bằng tiền: (đồng)
4. Tổng số vốn xin vay từ Quỹ cho vay giải quyết việc làm:
5. Thời hạn vay vốn: tháng. Lãi suất vay:%/tháng
6. Mục đích sử dụng tiền vay:
7. Thời gian thực hiện dự án:

III. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Tôi cam kết quản lý và có trách nhiệm đôn đốc các thành viên vay vốn sử dụng đúng mục đích và hoàn trả vốn và lãi đúng thời hạn cho nhà nước.

**Xác nhận của UBND
Xã, phường, thị trấn**

..... Ngày tháng năm

Chủ dự án
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tên tổ TK&VV:
 Thôn:
 Xã:
 Huyện:

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH
ĐỀ NGHỊ VAY VỐN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
Chương trình cho vay.....

Mẫu số: 03/TD
 Lập 04 liên: - 02 liên lưu
 NH(01 liên đồng chứng từ, 01 liên lưu
 hồ sơ cho vay) - 01 liên lưu tổ TK&VV,
 01 liên tổ chức CTXH

Tại cuộc họp các thành viên trong tổ ngày / / đã bình xét các hộ thành viên xin vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội. Toàn tổ nhất trí đề xuất những người có tên dưới đây được vay vốn đợt này:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Đề nghị của Tổ TK&VV		Phê duyệt của Ngân hàng		
			Số tiền	Thời hạn	Số tiền	Thời hạn	
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							
3							
.....							
	Cộng:						

Đơn vị: *ngân hàng*

Tổ trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Phản xác nhận của UBND xã
 Các hộ có tên trên đang cư trú hợp pháp tại xã, thuộc diện hộ

Ngày tháng năm

Phê duyệt của Ngân hàng

Số hộ được vay vốn đợt này:hộ.
 Tổng số tiền cho vay: đồng.
 Số hộ chưa được vay đợt này:hộ, có số thứ tự trong danh sách là:

UBND xã
(Ký tên, đóng dấu)

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

8. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với Hộ gia đình thuộc nguồn nguồn vốn do các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên) quản lý.

a) Trình tự thực hiện

Bước 1:

+ Người vay tự nguyện gia nhập Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại nơi sinh sống.

+ Người vay lập dự án vay vốn (mẫu số 1b) gửi Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV).

Bước 2: Tổ TK&VV nhận hồ sơ của người vay, tiến hành họp Tổ để bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên dự án, đối chiếu với đối tượng xin vay đúng với chính sách vay vốn của Chính phủ. Trường hợp người vay chưa là thành viên của Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tại thôn, bản đang hoạt động hiện nay tổ chức kết nạp thành viên bổ sung hoặc thành lập Tổ mới nếu đủ điều kiện.

Bước 3: Sau đó, Tổ TK&VV trình tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được NHCSXH nhận ủy thác để tiến hành thẩm định dự án (theo mẫu số 3b ban hành kèm theo Thông tư số 14).

Bước 4: Sau khi có kết quả thẩm định, Tổ TK&VV lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm theo dự án vay vốn (mẫu số 01b) trình UBND cấp xã xác nhận trên dự án về địa chỉ cư trú hợp pháp của hộ gia đình và xác nhận trên danh sách (mẫu số 03/TD) về địa chỉ cư trú hợp pháp tại xã, thuộc các hộ có nhu cầu vay vốn để giải quyết việc làm.

Bước 5: Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã, Tổ trưởng Tổ TK&VV nộp bộ hồ sơ xin vay cho NHCSXH cấp huyện nơi cho vay. Khi nhận hồ sơ do Tổ TK&VV gửi lên NHCSXH cấp huyện viết Giấy biên nhận (mẫu số 18/TD) sau đó trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay.

Bước 6: Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, NHCSXH cấp huyện nơi cho vay thực hiện việc kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ xin vay vốn và lập thông báo kết quả phê duyệt cho vay theo (mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã. UBND cấp xã thông báo cho tổ chức chính trị-xã hội cấp xã (đơn vị nhận ủy thác), tổ chức hội cấp xã thông báo đến Tổ TK&VV, Tổ TK&VV thông báo về thời gian, địa điểm giải ngân đến người vay.

b) Cách thức thực hiện

Người vay nộp hồ sơ đề nghị vay vốn trực tiếp cho Tổ TK&VV.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ sửa đổi như sau:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Người vay:

* Dự án vay vốn (theo mẫu số 1b);

* Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền.

+ Đối với Tổ TK&VV :

* Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD), (04 liên).

- Số lượng hồ sơ : 03 bộ (01 bộ người vay giữ, 01 bộ gửi tổ chức chính trị xã hội giữ, 01 bộ NHCSXH nơi cho vay giữ).

d) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn thẩm định và phê duyệt cho vay:

- Trong thời hạn 15 ngày (tính theo ngày làm việc) kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định NHCSXH có trách nhiệm thẩm định hồ sơ cho vay trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay.

- Trong thời hạn 15 ngày (tính theo ngày làm việc) kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt, cơ quan có thẩm quyền phải phê duyệt dự án, nếu không ra Quyết định phê duyệt dự án thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để NHCSXH cấp huyện thông báo cho người vay.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục:

- Cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: do Thủ trưởng cơ quan thực hiện Chương trình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: NHCSXH cấp huyện nơi cho vay.

- Cơ quan phối hợp: các tổ chức chính trị - xã hội, UBND cấp xã.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục:

- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

h) Phí, lệ phí:

- Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai sửa đổi như sau:

- Dự án vay vốn (mẫu số 1b).

- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Một hộ vay vốn phải đảm bảo tạo thêm tối thiểu 01 chỗ làm việc mới.

- Phải có dự án vay vốn được UBND cấp xã hoặc cơ quan thực hiện chương trình ở địa phương nơi thực hiện dự án xác nhận.

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị quyết số 31/1999/QH10 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 6 về nhiệm vụ năm 2000.

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/04/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/04/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm.

- Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BLĐTB&XH-BTC-BKHĐT ngày 29/07/2008 của liên Bộ Lao động Thương binh và Xã hội-Bộ Tài chính-Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc hướng dẫn một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/04/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của quỹ quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg.

- Văn bản số 2539/NHCS-TD ngày 16/09/2008 của Tổng giám đốc NHCSXH Hướng dẫn quy trình thủ tục cho vay giải quyết việc làm của Quỹ quốc gia về việc làm.

- Văn bản số 2812/NHCS-TD ngày 09/10/2008 của Tổng Giám đốc NHCSXH V/v Bổ sung, sửa đổi một số điểm về nghiệp vụ cho vay giải quyết việc làm.

- Văn bản số 243/NHCS-TD ngày 18/02/2009 của Tổng giám đốc NHCSXH Hướng dẫn quy trình phát hành Sổ vay vốn và phát hành Biên lai thu lãi tiền vay.

- Văn bản số 720/NHCS-TDNN-HSSV, ngày 29/3/2011 của Tổng giám đốc NHCSXH về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

m) Căn cứ pháp lý để sửa đổi, bổ sung:

Căn cứ vào công văn số 2901/NHCS-TDSV ngày 29/8/2012 của Tổng giám đốc NHCSXH về việc giải quyết vướng mắc về nghiệp vụ tín dụng.

Mẫu số 1b

DỰ ÁN VAY VỐN QUỸ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM
(Áp dụng cho dự án hộ và nhóm hộ gia đình)

Tên dự án:.....
Họ và tên chủ dự án:
Chức vụ:
Địa chỉ thường trú:
Địa điểm thực hiện dự án:

I. MỤC TIÊU DỰ ÁN

1. Phát triển kinh tế hộ gia đình, tăng sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận.
2. Giải quyết việc làm cho lao động:
 - Tạo thêm chỗ làm việc mới, thu hút thêm lao động vào làm việc.
 - Đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động.

II. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Ngành nghề chính tham gia dự án:
 - Trồng trọt (số lượng hộ tham gia:
 - Chăn nuôi (số lượng hộ tham gia:
 - Tiểu, thủ công nghiệp, chế biến (số lượng hộ tham gia:
 2. Tổng số hộ tham gia dự án (Biểu tổng hợp kèm theo):
 - Tổng số lao động các hộ tham gia dự án: (người)
 - Số lao động được tạo việc làm mới:(người)
- Trong đó:
- + Lao động nữ:..... người; Lao động là người tàn tật:.....người
 - + Lao động là người dân tộc:..... người; Lao động bị thu hồi đất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất: người.
3. Tổng số vốn thực hiện dự án:
 - Nguồn vốn hiện có:.....(đồng), trong đó: Vốn bằng tiền: (đồng)
 4. Tổng số vốn xin vay từ Quỹ cho vay giải quyết việc làm: (đồng)
 5. Thời hạn vay vốn: tháng. Lãi suất vay:%/tháng
 6. Mục đích sử dụng tiền vay:
 7. Thời gian thực hiện dự án:

III. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Tôi cam kết quản lý và có trách nhiệm đôn đốc các thành viên vay vốn sử dụng đúng mục đích và hoàn trả vốn và lãi đúng thời hạn cho nhà nước.

**Xác nhận của UBND
xã, phường, thị trấn**

..... Ngày tháng năm

Chủ dự án
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tên tổ TK&VV:
 Thôn:
 Xã:
 Huyện:

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH
ĐỀ NGHỊ VAY VỐN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
 Chương trình cho vay.....

Mẫu số: 03/TD
 Lập 04 liên: - 02 liên lưu
 NH(01 liên đồng chứng từ, 01 liên lưu
 hồ sơ cho vay) - 01 liên lưu tổ TK&VV,
 01 liên tổ chức CTXH

Tại cuộc họp các thành viên trong tổ ngày / / đã bình xét các hộ thành viên xin vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội. Toàn tổ nhất trí đề xuất những người có tên dưới đây được vay vốn đợt này:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Đề nghị của Tổ TK&VV		Phê duyệt của Ngân hàng		Đơn vị: nghìn đồng
			Số tiền	Thời hạn	Số tiền	Thời hạn	
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							
3							
.....							
	Cộng:						

Tổ trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Phân xác nhận của UBND xã
 Các hộ có tên trên đang cư trú hợp pháp tại xã, thuộc diện hộ

Ngày tháng năm

Phê duyệt của Ngân hàng
 Số hộ được vay vốn đợt này:hộ.
 Tổng số tiền cho vay: đồng.
 Số hộ chưa được vay đợt này:hộ, có số thứ tự trong danh sách là:

UBND xã
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) TD
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)

9. Thủ tục phê duyệt cho vay nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long đối với Hộ gia đình vay vốn để tự xây dựng nhà ở

a) Trình tự thực hiện :

Bước 1:

- Hộ vay gia nhập Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại nơi sinh sống.
- Hộ vay viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) gửi Tổ trưởng Tổ TK&VV.

Bước 2:

- Tổ TK&VV nhận giấy đề nghị vay vốn của tổ viên, tiến hành tổ chức họp Tổ để bình xét những hộ vay đủ điều kiện vay vốn, lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD) kèm Giấy đề nghị vay vốn của các tổ viên trình UBND cấp xã.

- UBND cấp xã xác nhận và phê duyệt Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu 03/TD).

- Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã, Tổ có trách nhiệm gửi bộ hồ sơ xin vay tới NHCSXH cấp huyện nơi cho vay để làm thủ tục phê duyệt cho vay.

Bước 3:

- NHCSXH cấp huyện tiếp nhận bộ hồ sơ vay vốn tiến hành đối chiếu với danh sách hộ dân được vay vốn từ NHCSXH để tự xây dựng nhà ở và xem xét, phê duyệt cho vay.

Bước 4:

- Sau khi phê duyệt, NHCSXH cấp huyện gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) tới UBND cấp xã. UBND cấp xã thông báo cho tổ chức Hội nhận ủy thác cấp xã để Tổ chức Hội thông báo đến Tổ TK&VV, Tổ TK&VV thông báo đến từng người vay.

b) Cách thức thực hiện sửa đổi, bổ sung như sau:

Người vay nộp hồ sơ đề nghị vay vốn trực tiếp cho Tổ TK&VV nơi hộ vay sinh sống. Tổ TK&VV gửi bộ hồ sơ xin vay tới NHCSXH cấp huyện nơi cho vay để làm thủ tục phê duyệt cho vay.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ được sửa đổi như sau:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

* Đối với người vay:

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (Mẫu số 01/TD): 01 liên.

- Danh sách hộ dân được vay vốn từ NHCSXH để tự xây dựng nhà ở do UBND tỉnh hoặc uỷ quyền cho UBND huyện phê duyệt: 01 liên.

- Giấy xác nhận nhà ở đã hoàn thành xây dựng phần thô của UBND cấp xã

* Đối với Tổ TK&VV:

- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD): 04 liên.

b) Số lượng hồ sơ: như trên.

d) Thời hạn giải quyết:

Quy định thời hạn giải quyết: Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục: Cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH cấp huyện nơi cho vay

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: NHCSXH cấp huyện nơi cho vay
- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND các cấp, các tổ chức chính trị- xã hội cấp xã

g) Kết quả thực hiện thủ tục:

- Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu 04/TD)

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (được sửa đổi theo mẫu số 01/TD đính kèm);

- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục được sửa đổi như sau:

- Có tên trong danh sách hộ dân được vay vốn NHCSXH để tự xây dựng nhà ở do UBND cấp tỉnh xác nhận hoặc ủy quyền cho UBND cấp huyện xác nhận.

- Giấy xác nhận nhà ở đã hoàn thành xây dựng phần thô của UBND cấp xã.

- Phải là thành viên tổ TK&VV.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị quyết số 31/1999/QH10 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 6 về nhiệm vụ năm 2000;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Quyết định 105/QĐ-TTg ngày 02/8/2002 về việc thực hiện chính sách cho các hộ dân vùng ngập lũ mua trả chậm nền nhà và nhà ở trong cụm, tuyến dân cư vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Quyết định số 78/2004/QĐ-TTg ngày 07/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế chính sách để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở tại các tỉnh thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long;

- Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 15/8/2005 về việc điều chỉnh bổ sung một số cơ chế chính sách vay vốn xây dựng cụm tuyến dân cư vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 26/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung các dự án đầu tư (giai đoạn 2) thuộc Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long.

- Văn bản số 1125/NHNN-TD ngày 07/10/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Quyết định số 204/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc điều chỉnh bổ sung một số cơ chế chính sách vay vốn xây dựng cụm tuyến dân cư vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Thông tư liên tịch số 72/2002/TT-LT-TC-XD-NHNN ngày 23/8/2002 của Liên bộ Tài chính - Xây dựng - Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn thực hiện chính sách cho các hộ dân vùng ngập lũ mua trả chậm nền nhà và nhà ở trong cụm, tuyến dân cư vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Văn bản số 3151/NHCS-TD ngày 07/11/2005 của Tổng giám đốc NHCSXH Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay chương trình nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long.

- Văn bản số 1727/NHCSXH-TDSV ngày 06/7/2009 của Tổng giám đốc về việc chuyển sang phương thức cho vay nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long.

- Văn bản số 2883/NHCS-TDSV ngày 12/11/2010 của Tổng giám đốc về việc điều chỉnh cơ chế, chính sách thực hiện các dự án đầu tư ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long.

- Văn bản số 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 về Hướng dẫn sửa đổi bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn cho vay hộ nghèo và các ĐTCS khác

m) Căn cứ pháp lý để sửa đổi, bổ sung:

- Quyết định số 09/2012/QĐ-TTg ngày 10/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Sửa đổi một số điều của Quyết định số 204/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2005 về việc điều chỉnh, bổ sung đối tượng và cơ chế vay vốn xây dựng nhà ở thuộc Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long.

- Văn bản số 1862/NHCS-TDSV ngày 23/5/2012 của Tổng giám đốc về việc hướng dẫn thực hiện cho vay Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long.



GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIỂM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
Chương trình cho vay:.....

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Họ tên người vay:..... Năm sinh:.....
 - Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....
 - Địa chỉ cư trú: thôn.....; xã.....huyện.....
 - Là thành viên Tổ TK&VV do ông (bà) làm tổ trưởng.
 - Thuộc tổ chức Hội:.....quản lý.

2. Đề nghị NHCSXH cho vay số tiền:.....đồng
 (Bằng chữ.....)

Đề thực hiện phương án:.....

Tổng nhu cầu vốn:.....đồng. Trong đó:

+ Vốn tự có tham gia:.....đồng.

+ Vốn vay NHCSXH:.....đồng để dùng vào việc:

Đối tượng

Số lượng

Thành tiền

Đối tượng	Số lượng	Thành tiền
.....
.....
.....

- Thời hạn xin vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ: tháng/lần.

- Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

Chúng tôi cam kết: sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày..... tháng năm

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên
hoặc điểm chỉ)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Số tiền cho vay:đồng (Bằng chữ:.....)

2. Lãi suất:%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.

3. Thời hạn cho vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ:tháng/lần.

4. Số tiền trả nợ:đồng/lần.Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

5. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Tên tổ TK&VV:
 Thôn:
 Xã:
 Huyện:

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH
ĐỀ NGHỊ VAY VỐN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
 Chương trình cho vay.....

Mẫu số: 03/TD
 Lớp 04 liên: - 02 liên lưu
 NH(01 liên đồng chứng từ, 01 liên lưu
 hồ sơ cho vay) - 01 liên lưu tổ TK&VV,
 01 liên tổ chức CTXH

Tại cuộc họp các thành viên trong tổ ngày / / đã bình xét các hộ thành viên xin vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội. Toàn tổ nhất trí đề xuất những người có tên dưới đây được vay vốn đợt này:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Đề nghị của Tổ TK&VV		Phê duyệt của Ngân hàng		Đơn vị: nghìn đồng
			Số tiền	Thời hạn	Số tiền	Thời hạn	
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							
3							
.....							
	Cộng:						

Tổ trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
 Phân xác nhận của UBND xã
 Các hộ có tên trên đang cư trú hợp
 pháp tại xã, thuộc diện hộ

Ngày tháng năm

Phê duyệt của Ngân hàng
 Số hộ được vay vốn đợt này:hộ.
 Tổng số tiền cho vay: đồng.
 Số hộ chưa được vay đợt này:hộ, có số thứ tự trong
 danh sách là:

UBND xã
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) TD
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)